

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC IUV

**DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
TỔ CHỨC NGÀY 17/10/2020**

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
1	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Nữ	01/10/2003	Nghệ An	6.0	6.0	01/QĐ09/2021	TH000002	
2	Hoàng Xuân Bắc	Nam	20/12/2003	Nghệ An	5.7	6.0	02/QĐ09/2021	TH000003	
3	Trương Phi Đại	Nam	06/09/2003	Nghệ An	6.0	6.0	03/QĐ09/2021	TH000004	
4	Nguyễn Thị Hà	Nữ	25/10/2003	Nghệ An	5.7	5.5	04/QĐ09/2021	TH000005	
5	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	15/01/2003	Nghệ An	6.3	6.0	05/QĐ09/2021	TH000006	
6	Trần Anh Hiếu	Nam	11/03/2002	Nghệ An	6.0	6.0	06/QĐ09/2021	TH000007	
7	Lương Văn Hoan	Nam	09/10/2002	Nghệ An	6.3	6.5	07/QĐ09/2021	TH000008	
8	Vũ Lê Hoàng	Nam	16/02/2002	Nghệ An	5.0	6.0	08/QĐ09/2021	TH000009	
9	Nguyễn Viết Hoàng	Nam	07/04/2003	Nghệ An	5.3	6.5	09/QĐ09/2021	TH000010	
10	Nguyễn Đình Hùng	Nam	07/08/2003	Nghệ An	5.7	6.5	10/QĐ09/2021	TH000011	
11	Lương Văn Hưng	Nam	04/08/2002	Nghệ An	5.7	7.0	11/QĐ09/2021	TH000012	
12	Đình Văn Khải	Nam	03/11/2002	Nghệ An	5.7	5.5	12/QĐ09/2021	TH000013	
13	Lê Văn Khoa	Nam	01/01/2003	Nghệ An	5.7	6.0	13/QĐ09/2021	TH000014	
14	Trần Huy Kiên	Nam	29/05/2003	Nghệ An	5.7	6.0	14/QĐ09/2021	TH000015	
15	Đặng Thị Lam	Nữ	13/08/2003	Nghệ An	5.7	6.5	15/QĐ09/2021	TH000016	
16	Doãn Thị Hà Lê	Nữ	12/08/2003	Nghệ An	5.7	5.5	16/QĐ09/2021	TH000017	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
17	Hoàng Hải Long	Nam	28/06/2003	Nghệ An	6.3	7.0	17/QĐ09/2021	TH000018	
18	Hồ Văn Tuấn Mạnh	Nam	10/11/2003	Nghệ An	5.3	6.0	18/QĐ09/2021	TH000019	
19	Nguyễn Đình Mạnh	Nam	17/03/2003	Nghệ An	5.3	6.0	19/QĐ09/2021	TH000020	
20	Hồ Sỹ Mạnh	Nam	04/08/2003	Nghệ An	6.3	6.0	20/QĐ09/2021	TH000021	
21	Hồ Thị Hồng Minh	Nữ	01/08/2003	Nghệ An	6.3	7.5	21/QĐ09/2021	TH000022	
22	Nguyễn Xuân Nam	Nam	06/11/2003	Nghệ An	5.7	6.5	22/QĐ09/2021	TH000023	
23	Phan Văn Năm	Nam	25/03/2003	Nghệ An	6.0	6.0	23/QĐ09/2021	TH000024	
24	Hồ Diệu Nga	Nam	17/10/2003	Nghệ An	6.3	6.0	24/QĐ09/2021	TH000025	
25	Nguyễn Thị Ngân	Nữ	10/09/2003	Nghệ An	5.7	6.5	25/QĐ09/2021	TH000026	
26	Hồ Thị Hồng Nhung	Nữ	01/03/2003	Nghệ An	6.3	5.5	26/QĐ09/2021	TH000027	
27	Trần Thị Hồng Nhung	Nữ	08/07/2003	Nghệ An	5.3	6.0	27/QĐ09/2021	TH000028	
28	Lê Sỹ Pháp	Nam	23/03/2003	Nghệ An	5.7	6.0	28/QĐ09/2021	TH000029	
29	Hồ Hữu Phước	Nam	17/02/2003	Nghệ An	6.3	6.5	29/QĐ09/2021	TH000030	
30	Phan Thị Phụng	Nữ	24/01/2003	Nghệ An	5.7	6.0	30/QĐ09/2021	TH000031	
31	Vũ Lê Quân	Nam	17/12/2003	Nghệ An	5.7	6.5	31/QĐ09/2021	TH000032	
32	Trần Văn Quảng	Nam	17/07/2003	Nghệ An	5.7	5.5	32/QĐ09/2021	TH000033	
33	Lê Văn Bảo Quốc	Nam	12/06/2002	Nghệ An	5.7	7.0	33/QĐ09/2021	TH000034	
34	Nguyễn Văn Quý	Nam	02/02/2003	Nghệ An	6.3	6.5	34/QĐ09/2021	TH000035	
35	Phạm Văn Quyền	Nam	15/09/2003	Nghệ An	5.7	5.0	35/QĐ09/2021	TH000036	
36	Nguyễn Văn Quyền	Nam	05/10/2003	Nghệ An	5.7	7.0	36/QĐ09/2021	TH000037	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
37	Phan Quý Quyết	Nam	07/03/2003	Nghệ An	5.3	7.0	37/QĐ09/2021	TH000038	
38	Nguyễn Đình Sáng	Nam	08/09/2003	Nghệ An	6.3	5.5	38/QĐ09/2021	TH000039	
39	Tô Duy Tài	Nam	28/08/2003	Nghệ An	5.7	7.0	39/QĐ09/2021	TH000040	
40	Nguyễn Thế Tài	Nam	06/05/2003	Nghệ An	5.7	7.0	40/QĐ09/2021	TH000041	
41	Vương Đình Thành	Nam	20/12/2003	Nghệ An	5.7	5.5	41/QĐ09/2021	TH000042	
42	Phạm Văn Toàn	Nam	29/06/2003	Nghệ An	6.3	6.5	42/QĐ09/2021	TH000043	
43	Trần Thị Trang	Nữ	15/09/2003	Nghệ An	5.7	5.5	43/QĐ09/2021	TH000044	
44	Nguyễn Bá Trọng	Nam	17/08/2003	Nghệ An	5.7	6.5	44/QĐ09/2021	TH000045	
45	Lê Anh Tú	Nam	22/06/2003	Nghệ An	5.3	5.5	45/QĐ09/2021	TH000046	
46	Phạm Thị Vân Anh	Nữ	07/10/2003	Nghệ An	6.3	5.5	46/QĐ09/2021	TH000047	
47	Lê Bá Biễn	Nam	28/02/2002	Nghệ An	5.3	5.5	47/QĐ09/2021	TH000048	
48	Lê Thạc Châu	Nam	19/08/2003	Nghệ An	5.7	6.0	48/QĐ09/2021	TH000049	
49	Phan Văn Cường	Nam	20/01/2003	Nghệ An	6.0	6.0	49/QĐ09/2021	TH000050	
50	Nguyễn Văn Đạt	Nam	02/02/2003	Nghệ An	6.0	5.5	50/QĐ09/2021	TH000051	
51	Lê Văn Tiến Đạt	Nam	09/02/2003	Nghệ An	5.3	5.0	51/QĐ09/2021	TH000052	
52	Lê Bá Đức	Nam	26/03/2003	Nghệ An	5.7	5.5	52/QĐ09/2021	TH000053	
53	Nguyễn Thị Dung	Nữ	01/01/2003	Nghệ An	5.0	5.5	53/QĐ09/2021	TH000054	
54	Lê Quang Dũng	Nam	24/11/2003	Nghệ An	5.7	6.5	54/QĐ09/2021	TH000055	
55	Lê Thạc Dũng	Nam	02/05/2003	Nghệ An	5.7	5.5	55/QĐ09/2021	TH000056	
56	Hồ Sỹ Dương	Nam	08/11/2003	Nghệ An	5.7	6.0	56/QĐ09/2021	TH000057	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
57	Hoàng Văn Dương	Nam	08/08/2003	Nghệ An	5.7	5.0	57/QĐ09/2021	TH000058	
58	Võ Khánh Duy	Nam	30/09/2003	Nghệ An	5.7	6.5	58/QĐ09/2021	TH000059	
59	Lê Vũ Giản	Nam	12/08/2003	Nghệ An	6.3	5.5	59/QĐ09/2021	TH000060	
60	Nguyễn Thị Thu Hiền	Nữ	12/09/2003	Nghệ An	5.7	6.0	60/QĐ09/2021	TH000061	
61	Đậu Đình Hiếu	Nam	09/11/2003	Nghệ An	6.0	5.5	61/QĐ09/2021	TH000062	
62	Nguyễn Minh Hiếu	Nam	01/10/2002	Nghệ An	5.7	6.5	62/QĐ09/2021	TH000063	
63	Lê Thị Khánh Huyền	Nữ	08/01/2003	Nghệ An	5.7	6.5	63/QĐ09/2021	TH000064	
64	Hồ Thị Huyền	Nữ	06/12/2003	Nghệ An	6.0	6.0	64/QĐ09/2021	TH000065	
65	Nguyễn Xuân Huỳnh	Nam	29/10/2003	Nghệ An	6.3	6.5	65/QĐ09/2021	TH000066	
66	Hồ Sỹ Khải	Nam	01/03/2003	Nghệ An	5.7	5.0	66/QĐ09/2021	TH000067	
67	Nguyễn Phúc Khoa	Nam	10/10/2003	Nghệ An	5.7	5.5	67/QĐ09/2021	TH000068	
68	Nguyễn Phúc Lâm	Nam	25/10/2003	Nghệ An	5.7	6.0	68/QĐ09/2021	TH000069	
69	Hoàng Thị Lê	Nữ	06/07/2002	Nghệ An	6.0	5.5	69/QĐ09/2021	TH000070	
70	Nguyễn Thị Luyến	Nữ	04/09/2003	Nghệ An	6.3	6.5	70/QĐ09/2021	TH000071	
71	Lê Kế Nam	Nam	25/01/2003	Nghệ An	6.0	5.5	71/QĐ09/2021	TH000072	
72	Vũ Đức Nay	Nam	21/06/2003	Nghệ An	5.3	5.5	72/QĐ09/2021	TH000073	
73	Hoàng Thị Ngân	Nữ	13/03/2003	Nghệ An	5.7	5.5	73/QĐ09/2021	TH000074	
74	Nguyễn Quốc Nghĩa	Nam	20/08/2003	Nghệ An	6.3	7.0	74/QĐ09/2021	TH000075	
75	Trần Thị Minh Nguyệt	Nữ	06/10/2003	Nghệ An	6.0	6.0	75/QĐ09/2021	TH000076	
76	Lê Bá Phước	Nam	07/05/2003	Nghệ An	5.3	5.5	76/QĐ09/2021	TH000077	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
77	Lê Đức Quân	Nam	08/09/2003	Nghệ An	6.3	5.5	77/QĐ09/2021	TH000078	
78	Nguyễn Văn Sáu	Nam	10/09/2003	Nghệ An	6.0	5.0	78/QĐ09/2021	TH000079	
79	Nguyễn Văn Sỹ	Nam	14/05/2003	Nghệ An	5.3	6.5	79/QĐ09/2021	TH000080	
80	Ngô Sỹ Tài	Nam	15/03/2003	Nghệ An	5.7	5.5	80/QĐ09/2021	TH000081	
81	Võ Văn Tài	Nam	10/10/2003	Nghệ An	5.7	6.0	81/QĐ09/2021	TH000082	
82	Võ Văn Thành	Nam	12/12/2003	Nghệ An	6.3	6.0	82/QĐ09/2021	TH000083	
83	Nguyễn Hữu Anh Thiên	Nam	02/10/2003	Nghệ An	5.7	6.0	83/QĐ09/2021	TH000084	
84	Chu Văn Thúc	Nam	02/02/2003	Nghệ An	6.3	6.0	84/QĐ09/2021	TH000085	
85	Lê Bá Tiến	Nam	04/03/2003	Nghệ An	5.7	6.0	85/QĐ09/2021	TH000086	
86	Nguyễn Phúc Tình	Nam	25/07/2003	Hà Tĩnh	5.3	7.0	86/QĐ09/2021	TH000087	
87	Nguyễn Thị Kiều Trinh	Nữ	20/06/2003	Nghệ An	6.7	6.0	87/QĐ09/2021	TH000088	
88	Trần Nguyễn Anh Tú	Nữ	08/04/2003	Nghệ An	6.0	7.5	88/QĐ09/2021	TH000089	
89	Trần Thị Mỹ Uyên	Nữ	13/07/2003	Nghệ An	5.7	7.0	89/QĐ09/2021	TH000090	

